


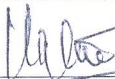





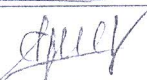

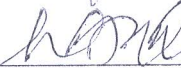





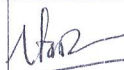



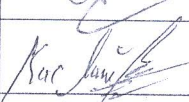
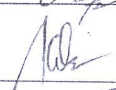
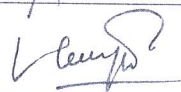
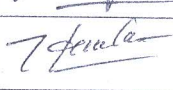
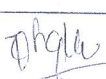
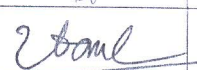
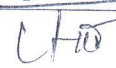
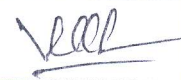
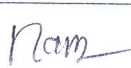
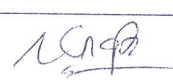

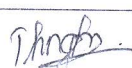
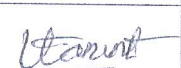
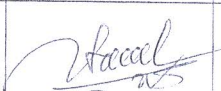

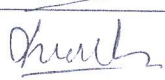


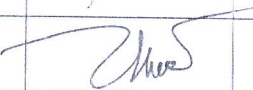





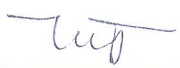



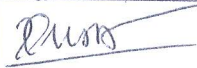


BẢNG GHI ĐIỂM THI
MÔN : NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ ĐCS VÀ LỊCH SỬ ĐCSVN
LỚP: TRUNG CẤP LLCT - HC ĐT 28

SỐ BD	HỌ VÀ TÊN	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM THÔNG NHẤT		GHI CHÚ
				Bảng số	Bảng chữ	
1	Dương Thị Vân Anh	02		7,5	Bảy rưỡi	
2	Nguyễn Thị Nguyệt Ánh	02		8,0	Tám	
3	Lê Thị Khánh Chi	02		7,5	Bảy rưỡi	
4	Nguyễn Văn Chu	04		7,5	Bảy rưỡi	
5	Hồ Văn Duân	02		7,5	Bảy rưỡi	
6	Trần Anh Đức	02		7,5	Bảy rưỡi	
7	Hồ Thị Dương	02		7,5	Bảy rưỡi	
8	Nguyễn Khánh Duy	02		8,5	Tám rưỡi	
9	Nguyễn Hương Giang	02		7,5	Bảy rưỡi	
10	Tạ Quang Giang	02		7,5	Bảy rưỡi	
11	Hồ Thị Giáo	02		7,5	Bảy rưỡi	
12	Nguyễn Xuân Hà	02		7,5	Bảy rưỡi	
13	Nguyễn Tân Hiếu	02		8,0	Tám	
14	Võ Thị Lệ Hòa	02		8,5	Tám rưỡi	
15	Nguyễn Minh Hoàng	02		8,0	Tám	
16	Hồ Thị Ta Hôn	02		7,5	Bảy rưỡi	
17	Hồ Văn Hưng	02		7,5	Bảy rưỡi	
18	Hồ Thị Huôm	02		8,0	Tám	
19	Hồ Thị Hương	02		8,5	Tám rưỡi	



SỐ BD	HỌ VÀ TÊN	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM THỐNG NHẤT	
				Bảng số	Bảng chữ
20	Hồ Văn Khăm	02		8,0	Tám
21	Hồ Văn Khoan	02		7,0	Bảy
22	Lê Thị Ngọc Khuê	02		7,5	Bảy lưỡ
23	Hồ Văn Kiên	02		7,5	Bảy lưỡ
24	Hồ Văn Lai	02		8,5	Tám lưỡ
25	Đặng Thị Phương Liên	02		8,0	Tám
26	Hoàng Thanh Linh	02		8,0	Tám
27	Nguyễn Khắc Lương	02		7,5	Bảy lưỡ
28	Hồ Văn Mang	02		7,5	Bảy lưỡ
29	Hồ Thị Năm	02		8,0	Tám
30	Võ Thị Thanh Nga	02		8,0	Tám
31	Trần Chính Nghĩa	03		8,5	Tám lưỡ
32	Hồ Thị Nghiêm	02		8,0	Tám
33	Nguyễn Văn Ninh	02		7,5	Bảy lưỡ
34	Hồ Văn Núi	02		7,5	Bảy lưỡ
35	Hồ Văn Phêng	01		7,5	Bảy lưỡ
36	Nguyễn Văn Quân	02		8,5	Tám lưỡ
37	Hồ Thị Quyên	02		7,5	Bảy lưỡ
38	Hồ Văn Rựa	02		7,5	Bảy lưỡ
39	Lê Hữu Thắng	02		7,5	Bảy lưỡ
40	Hồ Thị Thủy	02		7,5	Bảy lưỡ
41	Phan Thị Ngọc Trâm	02		7,5	Bảy lưỡ

SỐ BD	HỌ VÀ TÊN	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM THỐNG NHẤT		GHI CHÚ
				Bảng số	Bảng chữ	
42	Lê Thị Quỳnh Trang	02		7,5	Bảy lăm	
43	Hồ Văn Trinh	02		7,5	Bảy lăm	
44	Trần Văn Tuấn					KĐĐK
45	Nguyễn Thế Tùng	02		7,5	Bảy lăm	
46	Hồ Thị Tương	01		7,0	Bảy	
47	Hồ Thị Văng	02		8,5	Tám lăm	
48	Hồ A Vơ	02		7,5	Bảy lăm	V8
49	Đoàn Minh Vững	02		7,5	Bảy lăm	
50	Hồ Văn Xuân	02		7,5	Bảy lăm	

Tổng số học viên: 50

Số học viên đủ điều kiện thi: 49

Tổng số bài thi:

Loại xuất sắc: (Từ 9.0 đến 10.0 điểm).....0.....bài, chiếm.....0.....%

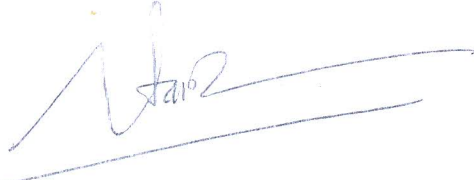
Loại giỏi: (Từ 8.0 đến 8.5 điểm).....17.....bài, chiếm.....34,7.....%

Loại khá: (Từ 7.0 đến 7.5 điểm).....32.....bài, chiếm.....65,3.....%

Loại TB: (Từ 5.0 đến 6.5 điểm).....0.....bài, chiếm.....0.....%

Loại yếu: (dưới 5.0 điểm).....0.....bài, chiếm.....0.....%

THỦ KÝ HĐT



Nguyễn Thị Mỹ Vân

CHỦ TỊCH HĐT



Ngô Thị Thu Hà